



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 35
8. Phụ lục	36 - 38

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 140.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07 tháng 5 năm 2010 với mã chứng khoán là SPM.

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (084) 37 507 496  
Fax : (084) 38 771 010  
Mã số thuế : 0302271207

### Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện	C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: sản xuất dược phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép;

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ định kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### *Hội đồng quản trị*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	01 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thế Kỷ	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-

#### *Ban điều hành, quản lý*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỷ	Tổng Giám đốc	10 tháng 12 năm 2002	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2007	-
Ông Văn Tất Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kê toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần S.P.M tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012





Số: 0709/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

**Kính gửi:** QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần S.P.M gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 21 tháng 7 năm 2012, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 có dạng ý kiến ngoại trừ. Vẫn đề ngoại trừ liên quan đến việc Công ty không ghi nhận doanh thu thanh lý khoản đầu tư 20% trong dự án đất Phú Hữu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hiện tại, Công ty đã tiến hành thanh lý khoản đầu tư nêu trên và ghi nhận khoản lãi thanh lý vào Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 13.449.530.215 VND.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

TRẠM KIỂM TOÁN  
KIỂM TOÁN VÀ  
TƯ VẤN  
QUẬN 1 TP HỒ CHÍ MINH

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

  
**Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: I199/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>584.149.815.665</b>	<b>449.292.002.339</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	<b>1.135.770.295</b>	<b>8.767.076.837</b>
1. Tiền	111		1.135.770.295	3.927.076.837
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.840.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		<b>143.795.785.674</b>	<b>158.398.223.149</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	143.795.785.674	158.398.223.149
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>397.357.369.642</b>	<b>235.148.939.676</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	344.531.792.177	201.672.863.052
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	11.559.621.535	8.453.891.195
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	41.660.505.836	25.545.582.679
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(394.549.906)	(523.397.250)
IV. Hàng tồn kho	140		<b>40.323.459.111</b>	<b>44.379.395.281</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	41.039.157.902	45.240.670.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(715.698.791)	(861.274.947)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>1.537.430.943</b>	<b>2.598.367.396</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	456.107.001	745.987.988
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		593.282.248	1.447.190.945
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	488.041.694	405.188.463

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>521.074.292.920</b>	<b>593.849.414.617</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		<b>404.283.877.575</b>	<b>412.276.159.927</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	114.556.094.579	122.675.435.323
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>193.206.955.869</i>	<i>193.816.783.524</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(78.650.861.290)	(71.141.348.201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.336.460.610	6.472.146.818
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>8.240.916.178</i>	<i>8.240.916.178</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.904.455.568)	(1.768.769.360)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	283.391.322.386	283.128.577.786
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		<b>116.746.585.160</b>	<b>181.529.424.505</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	50.105.555.160	69.968.728.660
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	66.641.030.000	111.560.695.845
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		<b>43.830.185</b>	<b>43.830.185</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		43.830.185	43.830.185
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>1.105.224.108.585</u></b>	<b><u>1.043.141.416.956</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>471.393.399.118</b>	<b>452.689.772.706</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		<b>471.334.905.898</b>	<b>452.631.279.486</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	150.971.266.871	148.410.963.356
2. Phải trả người bán	312	V.17	50.326.247.884	36.793.081.426
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.349.589.988	2.033.204.628
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	12.436.038.162	6.803.127.456
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1.001.048.926	994.985.606
6. Chi phí phải trả	316	V.21	1.019.962.771	689.065.182
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	253.230.751.296	256.906.851.832
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		<b>58.493.220</b>	<b>58.493.220</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.10	<b>58.493.220</b>	<b>58.493.220</b>
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>633.830.709.467</b>	<b>590.451.644.250</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		<b>633.830.709.467</b>	<b>590.451.644.250</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	292.981.710.967	249.602.645.750
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		<b>1.105.224.108.585</b>	<b>1.043.141.416.956</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ		1.163,67	67.155,40
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Quốc Thịnh  
Người lập biếu

Bùi Công Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	235.672.009.918	174.373.339.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	13.045.942.894	11.063.261.122
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	222.626.067.024	163.310.078.113
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	172.961.469.212	115.124.872.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.664.597.812	48.185.205.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	30.211.803.005	11.936.394.409
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.596.207.230	11.228.768.695
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.740.027.498	8.653.580.154
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13.878.743.749	12.091.769.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.861.499.473	4.226.751.977
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.539.950.365	32.574.309.499
11. Thu nhập khác	31		74.795.826	119.658.327
12. Chi phí khác	32		1.077.539	136.598.610
13. Lợi nhuận khác	40		73.718.287	(16.940.283)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.613.668.652	32.557.369.216
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	4.234.603.435	1.085.135.570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	248.808.974
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>43.379.065.217</u>	<u>31.223.424.672</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>3.150</u>	<u>2.232</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Quốc Thịnh  
Người lập biểu

Bùi Công Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỷ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>47.613.668.652</b>	<b>32.557.369.216</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11;V.12	7.852.022.201	7.968.644.370
- Các khoản dự phòng	03	V.6;V.8	(274.423.500)	94.182.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	15.865.653	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(30.134.960.952)	(11.801.281.028)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.740.027.498	8.653.580.154
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<b>37.812.199.552</b>	<b>37.472.494.761</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(149.585.865.695)	(33.743.125.041)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.201.512.326	(22.892.085.963)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.544.449.424	13.757.122.381
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		289.880.987	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21;VI.4	(12.375.757.460)	(8.653.580.154)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.020.864.099)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>(108.113.580.866)</b>	<b>(15.080.038.115)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
<i>1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	21	V.11; VI.13	(306.041.945)	(2.147.811.848)
<i>2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	22		-	11.329.091
<i>3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</i>	23		(21.291.414.000)	(27.602.000.000)
<i>4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</i>	24		35.893.851.475	10.280.000.000
<i>5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác</i>	25		(247.856.500)	(11.428.730.711)
<i>6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác</i>	26		65.030.695.845	-
<i>7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	27	V.5;VI.3	18.842.735.934	10.145.020.590
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<b>97.921.970.809</b>	<b>(20.742.192.878)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.036.370.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	207.735.595.199	150.535.235.048
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(205.175.291.684)	(105.889.946.492)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.560.303.515</i>	<i>34.608.918.556</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(7.631.306.542)</i>	<i>(1.213.312.437)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>8.767.076.837</i>	<i>7.491.575.099</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>1.135.770.295</i>	<i>6.278.262.662</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2012


  
Nguyễn Quốc Thịnh  
Người lập biểu


  
Bùi Công Sơn  
Kế toán trưởng


  
Nguyễn Thế Kỷ  
Tổng Giám đốc


## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán dược phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 260 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 257 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 46 năm.

### *Bản quyền sáng chế*

Nguyên giá của bản quyền sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Quyền sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

## 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 11. Nguồn vốn kinh doanh

#### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 16. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

## Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

## Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## 18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	627.991.775	651.537.741
Tiền gửi ngân hàng	507.778.520	3.275.539.096
Các khoản tương đương tiền (*)	-	4.840.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.135.770.295</b>	<b>8.767.076.837</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành vay với lãi suất từ 1%/tháng đến 1,67%/tháng	50.128.479.525	68.000.000.000
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay với lãi suất từ 1,5%/tháng đến 1,75%/tháng	43.667.306.149	40.398.223.149
Cho Công ty cổ phần Tập đoàn ASV với lãi suất từ 1%/tháng đến 2%/tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>143.795.785.674</b>	<b>158.398.223.149</b>

### 3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	324.751.600.618	177.008.873.793
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	16.533.047.486	21.515.375.200
Các khách hàng khác	3.247.144.073	3.148.614.059
<b>Cộng</b>	<b>344.531.792.177</b>	<b>201.672.863.052</b>

Các khoản phải thu có giá trị tối thiểu là USD 2,500,000 được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh V.16).

### 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	10.070.714.733	7.904.975.493
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.488.906.802	548.915.702
<b>Cộng</b>	<b>11.559.621.535</b>	<b>8.453.891.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Các khoản phải thu khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền lãi dự thu	35.543.527.847	24.251.302.829
Phải thu hàng giao gia công	466.177.597	549.793.316
Tiền hàng cho mượn trưng bày	160.061.440	93.654.904
Công ty bảo hiểm Bảo Việt Sài Gòn - tiền thu bảo hiểm cháy nổ	4.830.687.216	-
Các khoản phải thu khác	660.051.736	650.831.630
<b>Cộng</b>	<b>41.660.505.836</b>	<b>25.545.582.679</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	523.397.250
Hoàn nhập dự phòng	(128.847.344)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>394.549.906</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hàng mua đang đi trên đường	2.680.272.008	3.900.251.280
Nguyên liệu, vật liệu	29.126.679.796	33.697.440.343
Công cụ, dụng cụ	168.132.298	189.273.427
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.018.685.096	6.633.544.562
Thành phẩm	45.388.704	820.160.616
<b>Cộng</b>	<b>41.039.157.902</b>	<b>45.240.670.228</b>

**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	861.274.947
Hoàn nhập dự phòng	(145.576.156)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>715.698.791</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ	355.244.077	272.148.606
Chi phí sửa chữa	60.895.719	313.970.577
Chi phí bảo hiểm	39.967.205	159.868.805
<b>Cộng</b>	<b>456.107.001</b>	<b>745.987.988</b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho nhân viên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	70.028.168.118	121.778.882.575	970.040.491	1.039.692.340	193.816.783.524
Mua sắm mới	-	43.297.345	-	-	43.297.345
Thanh lý, nhượng bán	-	(653.125.000)	-	-	(653.125.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>70.028.168.118</b>	<b>121.169.054.920</b>	<b>970.040.491</b>	<b>1.039.692.340</b>	<b>193.206.955.869</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.845.703.313	3.672.158.597	-	1.039.692.340	6.557.554.250
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.133.929.430	56.651.320.308	325.292.825	1.030.805.638	71.141.348.201
Khấu hao trong kỳ	1.446.444.402	6.211.651.852	49.353.037	8.886.702	7.716.335.993
Thanh lý, nhượng bán	-	(206.822.904)	-	-	(206.822.904)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.580.373.832</b>	<b>62.656.149.256</b>	<b>374.645.862</b>	<b>1.039.692.340</b>	<b>78.650.861.290</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	56.894.238.688	65.127.562.267	644.747.666	8.886.702	122.675.435.323
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>55.447.794.286</b>	<b>58.512.905.664</b>	<b>595.394.629</b>	<b>-</b>	<b>114.556.094.579</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 124.985.462.955 VND và 66.370.413.410 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh V.16).

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	7.281.897.278	885.440.000	73.578.900	8.240.916.178
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.281.897.278</b>	<b>885.440.000</b>	<b>73.578.900</b>	<b>8.240.916.178</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.586.813.757	140.194.673	41.760.930	1.768.769.360
Khấu hao trong kỳ	79.151.058	44.272.002	12.263.148	135.686.208
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.665.964.815</b>	<b>184.466.675</b>	<b>54.024.078</b>	<b>1.904.455.568</b>

## Giá trị còn lại

Số đầu năm	5.695.083.521	745.245.327	31.817.970	6.472.146.818
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.615.932.463</b>	<b>700.973.325</b>	<b>19.554.822</b>	<b>6.336.460.610</b>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh V.16).

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phá sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	283.128.577.786	262.744.600	283.391.322.386
- Dự án khu nhà ở Long Trường	280.807.353.530	-	280.807.353.530
- Bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	60.000.000
- Xưởng sản xuất thuốc đông dược	2.261.224.256	262.744.600	2.523.968.856
<b>Cộng</b>	<b>283.128.577.786</b>	<b>262.744.600</b>	<b>283.391.322.386</b>

## 14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land	-	-	1.272.850	20.111.030.000
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị <sup>(i)</sup>	980.000	23.250.000.000	980.000	23.250.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt <sup>(ii)</sup>	3.000.000	26.855.555.160	3.000.000	26.607.698.660
<b>Cộng</b>		<b>50.105.555.160</b>		<b>69.968.728.660</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301430052 thay đổi lần thứ 04 ngày 21 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị là 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

<sup>(ii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092064 thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 247.856.500 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư là 26.855.555.160 VND, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt (số đầu năm là 26.607.698.660 VND, tương đương 30% vốn điều lệ).



# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư góp vốn		31.641.030.000		11.530.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng gia	675.000	6.750.000.000	675.000	6.750.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Nam Bắc	275.500	2.755.000.000	275.500	2.755.000.000
- Công ty cổ phần dược thiết bị y tế Đà Nẵng	81.000	2.025.000.000	81.000	2.025.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land	1.272.850	20.111.030.000	-	-
Góp vốn vào dự án	-	35.000.000.000	-	100.030.695.845
- Dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
- Dự án khu đất Phường Phú Hữu, quận 9	-	-	-	65.030.695.845
<b>Cộng</b>		<b>66.641.030.000</b>		<b>111.560.695.845</b>

## 16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	150.971.266.871	148.410.963.356
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(i)</sup>	56.638.607.212	55.541.436.667
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ <sup>(ii)</sup>	69.466.443.717	69.988.428.861
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn <sup>(iii)</sup>	24.866.215.942	22.881.097.828
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>150.971.266.871</b>	<b>148.410.963.356</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh cá nhân trị giá USD 2.500.000 từ Ông Đào Hữu Hoàng và được đảm bảo bởi các khoản phải thu có giá trị tối thiểu là USD 2.500.000 (xem thuyết minh V.3 và V.7).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.11 và V.12).

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:*

	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Số đầu năm			
Vay ngắn hạn ngân hàng	148.410.963.356	202.935.595.199 (200.375.291.684)	150.971.266.871
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	4.800.000.000 (4.800.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>148.410.963.356</b>	<b>207.735.595.199 (205.175.291.684)</b>	<b>150.971.266.871</b>

**17. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	23.228.955.600	16.244.045.601
Các nhà cung cấp nước ngoài	27.097.292.284	20.549.035.825
<b>Cộng</b>	<b>50.326.247.884</b>	<b>36.793.081.426</b>

**18. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Zaburit Medicine Medical Equipment & General Trading	2.138.830.028	2.033.204.628
Công ty cổ phần dược Đại Nam	210.759.960	-
<b>Cộng</b>	<b>2.349.589.988</b>	<b>2.033.204.628</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	788.355.475	2.121.226.073	(650.000.000)	2.259.581.548
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	689.016.297	3.958.987.285	(4.054.721.334)	593.282.248
Thuế xuất, nhập khẩu	202.828.546	638.822.818	(749.395.821)	92.255.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.287.882.943	4.234.603.435	-	8.522.486.378
Thuế thu nhập cá nhân	740.344.660	133.388.250	-	873.732.910
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	94.699.535	-	-	94.699.535
<b>Cộng</b>	<b>6.803.127.456</b>	<b>11.087.027.861</b>	<b>(5.454.117.155)</b>	<b>12.436.038.162</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm 05 %
- Vật liệu xây dựng 10 %

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất “Xây dựng nhà máy dược phẩm mới” và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 03 năm đầu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án này. Ngoài ra, theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty thỏa điều kiện là doanh nghiệp vừa và nhỏ do đó được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.613.668.652	32.557.369.216
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	863.210.401	293.143.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(997.667.160)
Thu nhập chịu thuế	48.476.879.053	31.852.845.154
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi	34.684.493.061	30.958.577.305
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	13.792.385.992	894.267.849
Thuế suất phổ thông	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.119.219.763	7.963.211.289
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(7.884.616.328)	(6.878.075.719)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.234.603.435	1.085.135.570

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 20. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 phải trả cho nhân viên.

#### 21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	647.135.124	282.865.086
Chi phí dịch vụ	372.827.647	406.200.096
Cộng	1.019.962.771	689.065.182

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	280.765.315	281.729.333
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	783.638.752	372.804.723
Cỗ tức phải trả	27.773.634.750	27.773.634.750
Tiền hợp tác dự án khu nhà ở Long Trường:	222.902.833.250	222.902.833.250
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	168.150.000.000	168.150.000.000
- Bà Đỗ Thị Hằng	10.239.935.350	10.239.935.350
- Bà Chu Thị Thu Phương	44.512.897.900	44.512.897.900
Các khoản phải trả khác	1.489.879.229	5.575.849.776
<b>Cộng</b>	<b>253.230.751.296</b>	<b>256.906.851.832</b>

**23. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500		- 217.588.342.928	568.473.711.428
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			- (10.036.370.000)		- (10.036.370.000)
Lợi nhuận trong năm trước				59.608.302.822	59.608.302.822
Chia cổ tức năm trước				(27.594.000.000)	(27.594.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>210.885.368.500</b>	<b>(10.036.370.000)</b>	<b>249.602.645.750</b>	<b>590.451.644.250</b>
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	249.602.645.750	590.451.644.250
Lợi nhuận trong kỳ				43.379.065.217	43.379.065.217
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>210.885.368.500</b>	<b>(10.036.370.000)</b>	<b>292.981.710.967</b>	<b>633.830.709.467</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	235.672.009.918	174.373.339.235
- Doanh thu bán hàng hóa	109.060.368.260	49.427.632.971
- Doanh thu bán thành phẩm	125.738.914.388	124.072.978.994
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	872.727.270	872.727.270
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(13.045.942.894)	(11.063.261.122)
- Chiết khấu thương mại	(3.585.304.907)	-
- Giảm giá hàng bán	-	(887.638.630)
- Hàng bán bị trả lại	(9.460.637.987)	(10.175.622.492)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>222.626.067.024</b>	<b>163.310.078.113</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	109.060.368.260	48.539.994.341
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	112.692.971.494	113.897.356.502
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	872.727.270	872.727.270

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	104.439.272.973	43.664.039.827
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(1)</sup>	68.667.772.395	71.460.833.043
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(145.576.156)	-
<b>Cộng</b>	<b>172.961.469.212</b>	<b>115.124.872.870</b>

<sup>(1)</sup> Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	53.716.714.987	57.298.781.832
Chi nhân công trực tiếp	2.385.002.230	2.311.783.017
Chi phí sản xuất chung	15.171.966.331	14.780.556.215
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>71.273.683.548</b>	<b>74.391.121.064</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(2.385.140.534)	(2.550.310.563)
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b>68.888.543.014</b>	<b>71.840.810.501</b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	774.771.912	521.105.140
Trừ: xuất khác	(995.542.531)	(901.082.598)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>68.667.772.395</b>	<b>71.460.833.043</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	488.910.825	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.325.444	51.911.470
Lãi thanh lý dự án Phú Hữu	13.449.530.215	-
Lãi tiền cho vay	16.196.519.912	11.749.931.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.516.609	134.551.592
<b>Cộng</b>	<b>30.211.803.005</b>	<b>11.936.394.409</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.740.027.498	8.653.580.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.865.653	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	840.314.079	2.575.188.541
<b>Cộng</b>	<b>13.596.207.230</b>	<b>11.228.768.695</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	371.214.416	74.063.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.489.448.367	4.174.179.598
Chi phí khác	11.018.080.966	7.843.526.472
<b>Cộng</b>	<b>13.878.743.749</b>	<b>12.091.769.481</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.881.992.305	1.652.427.566
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	264.046.060	230.192.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.598.280	301.938.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.287.338	935.817.940
Chi phí khác	1.677.575.490	1.106.375.102
<b>Cộng</b>	<b>4.861.499.473</b>	<b>4.226.751.977</b>

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.379.065.217	31.223.424.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.379.065.217	31.223.424.672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ <sup>(1)</sup>	13.770.000	13.988.444
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.150</b>	<b>2.232</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.770.000	14.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(11.556)
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>13.770.000</b>	<b>13.988.444</b>

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.045.645.236	60.225.511.529
Chi phí nhân công	7.951.255.136	4.108.996.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.852.022.201	7.968.644.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.620.091.856	8.073.689.682
Chi phí khác	14.544.912.341	10.332.800.767
<b>Cộng</b>	<b>90.013.926.770</b>	<b>90.709.642.522</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 07 tháng 12 năm 2007, Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương cam kết cùng hợp tác để đầu tư xây dựng khu nhà ở kinh doanh trên khu đất diện tích 188.200 m<sup>2</sup> tại phường Long Trường, quận 9 theo Quyết định số 10006/UBND-QLĐT của Ủy ban nhân dân quận 9 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 4310/KTST-QH ngày 29 tháng 11 năm 2002 về hướng dẫn quy hoạch về địa điểm xây dựng của Văn phòng kiến trúc sư. Theo đó, các bên sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận sau thuế phát sinh từ dự án cũng như chịu các rủi ro theo tỷ lệ quy định theo tỷ lệ góp vốn. Dự án đã hoàn thành xong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

Sau đó, Công ty (đại diện cho phần vốn của Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương) đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà ngày 14 tháng 01 năm 2010 để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án là đầu tư hạ tầng và xây dựng công trình. Theo hợp đồng hợp tác này, Công ty cổ phần S.P.M phải hoàn tất các thủ tục pháp lý và trình các cấp thẩm quyền giao toàn bộ diện tích thuộc dự án cho liên danh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà – Công ty cổ phần S.P.M là chủ đầu tư dự án.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cho vay	12.371.414.000	17.902.000.000
Lãi cho vay	4.018.900.487	1.213.064.680



# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay	43.667.306.149	40.398.223.149
Tạm ứng	5.300.000.000	-
Lãi dự thu	9.191.665.050	10.476.302.829
<b>Công nợ phải thu</b>	<b>58.158.971.199</b>	<b>50.874.525.978</b>

Ngoài ra, Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh V.16).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thường	575.765.000	595.408.500
<b>Cộng</b>	<b>575.765.000</b>	<b>595.408.500</b>

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	Công ty độc quyền phân phối sản phẩm dược
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành</b>		
Bán thành phẩm, hàng hoá	213.311.534.624	128.190.302.531
Cho thuê kho	872.727.270	872.727.270
Lãi cho vay	8.394.449.547	4.961.866.667
Phải thu tiền đầu tư dự án khu dân cư Phú Hữu	65.030.695.845	
Vay từ Công ty	7.920.000.000	8.000.000.000
Trả nợ gốc vay	25.791.520.475	
<b>Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị</b>		
Bán hàng hoá	-	15.455.906.032
Cho vay	1.000.000.000	200.000.000
Trả nợ gốc vay	1.000.000.000	
Mua hàng từ Hữu Nghị	304.566.700	
Vay ngắn hạn	4.800.000.000	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	324.751.600.618	177.008.873.793
Cho vay	50.128.479.525	68.000.000.000
Lãi cho vay	726.862.797	

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	16.533.047.486	21.515.375.200
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>392.139.990.426</b>	<b>266.524.248.993</b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 3. Thông tin về bộ phận

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dược phẩm: sản xuất và mua bán các loại dược phẩm.
- Lĩnh vực bất động sản: đầu tư vào dự án bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 01 và phụ lục 02 đính kèm từ trang 36 đến trang 38.

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.135.770.295	8.767.076.837	1.135.770.295	8.767.076.837
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.641.030.000	111.560.695.845	66.641.030.000	111.560.695.845
Phải thu khách hàng	344.137.242.271	201.149.465.802	344.137.242.271	201.149.465.802
Các khoản cho vay	143.795.785.674	158.398.223.149	143.795.785.674	158.398.223.149
Các khoản phải thu khác	42.148.547.530	25.950.771.142	42.148.547.530	25.950.771.142
<b>Cộng</b>	<b>597.858.375.770</b>	<b>505.826.232.775</b>	<b>597.858.375.770</b>	<b>505.826.232.775</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	50.326.247.884	36.793.081.426	50.326.247.884	36.793.081.426
Vay và nợ	150.971.266.871	148.410.963.356	150.971.266.871	148.410.963.356
Phải trả người lao động	1.001.048.926	994.985.606	1.001.048.926	994.985.606
Chi phí phải trả	1.019.962.771	689.065.182	1.019.962.771	689.065.182
Các khoản phải trả khác	30.105.645.951	33.780.782.469	30.105.645.951	33.780.782.469
<b>Cộng</b>	<b>233.424.172.403</b>	<b>220.668.878.039</b>	<b>233.424.172.403</b>	<b>220.668.878.039</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

## 5. Tài sản đảm bảo

### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.11 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải thu	2.500.000 USD	2.500.000 USD
Tài sản cố định hữu hình	66.370.413.410 VND	86.404.855.580 VND
Tài sản cố định vô hình	5.615.932.463 VND	5.695.083.521 VND

### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 01 tháng 01 năm 2012 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

## 6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với nhà phân phối độc quyền là Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành, các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

## 7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	50.326.247.884	-	-	50.326.247.884
Vay và nợ	150.971.266.871	-	-	150.971.266.871
Phải trả người lao động	1.001.048.926	-	-	1.001.048.926
Chi phí phải trả	1.019.962.771	-	-	1.019.962.771
Các khoản phải trả khác	30.047.152.731	58.493.220	-	30.105.645.951
<b>Cộng</b>	<b>233.365.679.183</b>	<b>58.493.220</b>	<b>-</b>	<b>233.424.172.403</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	36.793.081.426	-	-	36.793.081.426
Vay và nợ	148.410.963.356	-	-	148.410.963.356
Phải trả người lao động	994.985.606	-	-	994.985.606
Chi phí phải trả	689.065.182	-	-	689.065.182
Các khoản phải trả khác	33.722.289.249	58.493.220	-	33.780.782.469
<b>Cộng</b>	<b>220.610.384.819</b>	<b>58.493.220</b>	<b>-</b>	<b>220.668.878.039</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

Kỳ này	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
	+ 2%	(409.601.463)
	- 2%	409.601.463

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ trước	+ 2%	(286.362.693)
	- 2%	286.362.693

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này	+ 2%	(2.264.569.003)
	- 2%	2.264.569.003
Kỳ trước	+ 2%	(2.226.164.450)
	- 2%	2.226.164.450

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Quốc Thịnh  
Người lập biểu

Bùi Công Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực được phân	Lĩnh vực kinh doanh bắt		Cộng
		động sản	Các khoản loại trừ	
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	222.626.067.024	-	-	222.626.067.024
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>222.626.067.024</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>222.626.067.024</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.785.854.063	-	-	35.785.854.063
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.861.499.473)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				30.924.354.590
Doanh thu hoạt động tài chính				30.211.803.005
Chi phí tài chính				(13.596.207.230)
Thu nhập khác				74.795.826
Chi phí khác				(1.077.539)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.234.603.435)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>43.379.065.217</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>306.041.945</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>306.041.945</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.852.022.201</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.852.022.201</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Kỳ trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  
 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  
**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

163.310.078.113 - - - 163.310.078.113

**163.310.078.113** - - - **163.310.078.113**

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

36.093.435.762 - - - 36.093.435.762

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

(4.226.751.977)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

31.866.683.785

Doanh thu hoạt động tài chính

11.936.394.409

Chi phí tài chính

(11.228.768.695)

Thu nhập khác

119.658.327

Chi phí khác

(136.598.610)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(1.085.135.570)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

(248.808.974)

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp****31.223.424.672****Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

2.147.811.848 - - - 2.147.811.848

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

7.968.644.370 - - - 7.968.644.370

**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân  
bổ chi phí trả trước dài hạn)**
  
 Nguyễn Quốc Thịnh  
 Người lập biểu

  
 Bùi Công Sơn  
 Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2012

  
 Nguyễn Thế Kỳ  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực được phân	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Công
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	528.330.856.374	300.918.383.530	-	829.249.239.904
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	275.974.868.681
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.105.224.108.585</b>
 <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	 248.490.565.868	 222.902.833.250	 -	 471.393.399.118
 Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	 -	 -	 -	 -
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>471.393.399.118</b>
 <b>Số đầu năm</b>	 398.155.112.943	 365.949.079.375	 -	 764.104.192.318
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	279.037.224.638
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.043.141.416.956</b>
 <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	 229.786.939.456	 222.902.833.250	 -	 452.689.772.706
 Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	 -	 -	 -	 -
 Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	 -	 -	 -	 -
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>452.689.772.706</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Quốc Thịnh  
Người lập biểu




Bùi Công Sơn  
Kế toán trưởng




Nguyễn Thế Ký  
Tổng Giám đốc